

Số: 430/2026/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 581/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C1

Địa chỉ: A T, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng M, ông Lê Đức T, ông Đỗ Thanh B; là đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền số 77/UQ-CNGĐ-PGDHD ngày 14/3/2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần C1);

Địa chỉ: I N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: 1/ Bà Đoàn Thị C, sinh năm: 1983

2/ Ông Phạm Duy G, sinh năm: 1986

Cùng địa chỉ: 2 H, Khu phố D, phường A (Tổ A, Khu phố C, phường T, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm: 1983, là đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 015582/2025/CCGD ngày 01/12/2025 của Văn phòng C2);

Địa chỉ: I N, phường T (Phường A, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Đoàn Thị C, ông Phạm Duy G có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 20/3/2026 tại Hợp đồng cho vay số 30/2023-HĐCV/NHCT93032-DOAN THI CUC ngày 05/4/2023 là 6.054.163.124 (sáu tỷ không trăm năm mươi bốn triệu một trăm sáu mươi ba nghìn một trăm hai mươi bốn) đồng. Thời hạn trả nợ khi quyết định có hiệu lực pháp luật. Trong đó:

Nợ gốc: 4.684.025.000 đồng

Nợ lãi: 1.353.277.913 đồng

Lãi phạt quá hạn: 16.860.211 đồng

2.2. Kể từ ngày 21/3/2026 bà Đoàn Thị C, ông Phạm Duy G còn phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 30/2023-HĐCV/NHCT93032-DOAN THI CUC ngày 05/4/2023 cho đến khi trả xong số nợ trên.

2.3. Trong trường hợp bà Đoàn Thị C, ông Phạm Duy G không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 30/2023/HĐBĐ/NHCT93032-DOAN THI CUC ngày 05/4/2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 với bà Đoàn Thị C, ông Phạm Duy G để thu hồi nợ cho Ngân hàng, gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 528, tờ bản đồ số: 1-BĐC-P26-Q.BT; Địa chỉ: A X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc: 16195/99 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 29/12/1999; cập nhật sang tên bà Đoàn Thị C, ông Phạm Duy G ngày 05/4/2023.

2.4. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trong Hợp đồng thế chấp bất động sản số 30/2023/HĐBĐ/NHCT93032-DOAN THI CUC ngày 05/4/2023 không đủ để thanh toán khoản nợ trên thì bà Đoàn Thị C, ông Phạm Duy G có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi dứt khoản nợ đối với Hợp đồng cho vay số 30/2023-HĐCV/NHCT93032-DOAN THI CUC ngày 05/4/2023 đã ký kết.

2.5. Trong trường hợp bà Đoàn Thị C, ông Phạm Duy G thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 có nghĩa vụ giải chấp và trả lại toàn bộ bản chính các giấy tờ liên quan đến tài sản mà bà Đoàn Thị C, ông Phạm Duy G thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C1.

2.6. Bà Đoàn Thị C, ông Phạm Duy G có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C1 số tiền còn nợ tính đến ngày 20/3/2026 tại Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số HĐ3017593462 ngày 17/4/2023 là 186.318.454 (một trăm tám mươi sáu triệu ba trăm mười tám nghìn bốn trăm năm mươi bốn) đồng. Thời hạn trả nợ khi quyết định có hiệu lực pháp luật. Trong đó:

Nợ gốc: 179.344.308 đồng

Nợ lãi: 6.974.146 đồng

2.7. Kể từ ngày 21/3/2026, bà Đoàn Thị C, ông Phạm Duy G còn phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát

hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số HĐ3017593462 ngày 17/4/2023 cho đến khi trả xong số nợ trên.

2.8. Về chi phí tố tụng: Bà Đoàn Thị C, ông Phạm Duy G trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng là chi phí xem xét, thẩm định.

2.9. Việc thi hành án do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.10. Về án phí:

Đối với Hợp đồng cho vay số 30/2023-HĐCV/NHCT93032-DOAN THI CUC ngày 05/4/2023: Bà Đoàn Thị C, ông Phạm Duy G tự nguyện chịu 57.027.082 (năm mươi bảy triệu không trăm hai mươi bảy nghìn không trăm tám mươi hai) đồng án phí sơ thẩm đối với vụ án tranh chấp về dân sự có giá ngạch, nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số HĐ3017593462 ngày 17/4/2023: Bà Đoàn Thị C, ông Phạm Duy G tự nguyện chịu 4.657.961 (bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi một) đồng án phí sơ thẩm đối với vụ án tranh chấp về dân sự có giá ngạch, nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 tiền tạm ứng án phí 56.750.205 (năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn hai trăm linh năm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023516 ngày 07/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV7 – TP.HCM
- Phòng THADS KV7 – TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Yến Ngọc